TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Tám

Ông Trương Thanh Nhàn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trung Hiếu là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa*:** Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 546/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1991 nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang. (xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1990 nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2023 và lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H trình bày: Ông và bà Phạm Thị T tìm hiểu, thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03/2017 ngày 19/01/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Ông yêu cầu được ly hôn bà T.

Ông và bà T có 01 con chung Nguyễn Phạm Bảo T1, sinh năm 2016 ông đang nuôi dưỡng. Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi đưỡng, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Ông và bà T không có tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn bà Phạm Thị T vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt là vi phạm Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông H được ly hôn bà T. Ông H và bà T có 01 con chung ông H đang nuôi dưỡng nên giao con chung cho ông H được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông H không yêu cầu nên không buộc bà T phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú xã T, huyện P, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn không có mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông H và bà T tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03/2017 ngày 19/01/2017 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Ông H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay. Bà Ngô Thị Thiên N là mẹ ruột ông H cho biết là vợ chồng ông H, bà T chung sống với bà đến năm 2020 thì bà T bỏ đi, sau đó có quay về ở được vài tháng, đến năm 2022 thì bỏ đi cho đến nay. Qua xác minh, đia phương không biết được mâu thuẫn vợ chồng của ông H, bà T.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Vợ*

chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau….". Ông H và bà T ly thân từ năm 2022 đến nay nhưng cả hai không có thiện chí, điều này chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu, cho ông H được ly hôn bà T.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung Nguyễn Phạm Bảo T1, sinh năm 2016 ông H đang nuôi dưỡng. Từ khi vợ chồng không còn chung sống đến nay, ông H trực tiếp nuôi con chung và có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung; cháu T1 có nguyện vọng được sống với ông H. Vì vậy, để ổn định về điều kiện và môi trường sống, Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Phạm Bảo T1 cho ông H được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông H không yêu cầu nên không buộc bà T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông H trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết. Bà T có quyền khởi kiện một vụ án khác về chia tài sản chung vợ chồng nếu có yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà T không phải chịu án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng H được ly hôn bà Phạm Thị T.

2. Về con chung: Ông H và bà T có 01 con chung Nguyễn Phạm Bảo T1, sinh năm 2016 ông H đang nuôi dưỡng; giao ông H được tiếp tục nuôi con chung. Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Ông H và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện bà T đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở bà T thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Bà T có quyền khởi kiện một vụ án khác về chia tài sản chung vợ chồng nếu có yêu cầu.

4. Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006465 ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thế Văn